

Phụ lục I

KẾT QUẢ CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT TRỒNG LÚA, ĐẤT RỪNG PHÒNG HỘ THEO QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CÁC HUYỆN: ĐÔNG GIANG, HIỆP ĐỨC, THẮNG BÌNH, PHÚ NINH

(Kèm theo Tờ trình số: 2010/TTr-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: Ha

STT	Hạng mục	Tổng cộng	Đất trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất rừng phòng hộ	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
I	TỔNG CỘNG					
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	421,47	217,47	75,46	128,54	
2	Kết quả thực hiện	90,41	59,68	7,48	23,25	
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện	-	-	-	-	
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	331,06	157,79	67,98	105,29	-
I	HUYỆN ĐÔNG GIANG					
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	22,63	3,69	18,94		
2	Kết quả thực hiện	9,18	3,68	5,50	-	
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện	-	-	-	-	
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	13,45	0,01	13,44	-	-
II	HUYỆN HIỆP ĐỨC					
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	25,93	19,09	2,01	4,83	
2	Kết quả thực hiện	13,72	12,86	0,86	-	
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện	-	-	-	-	
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	12,21	6,23	1,15	4,83	-
III	HUYỆN THẮNG BÌNH					
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	304,47	131,85	48,91	123,71	
2	Kết quả thực hiện	33,62	10,38	0,54	22,70	
2.1	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Quốc hội chấp thuận chủ trương đầu tư	-	-	-	-	
2.2	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất trong các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư	-	-	-	-	
2.3	Diện tích đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	-	-	-	-	
2.4	Diện tích đã được Hội đồng nhân dân tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng đất	33,62	10,38	0,54	22,70	
2.5	Diện tích đã chuyển mục đích sử dụng đất trong các trường hợp còn lại	-	-	-	-	
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện	-	-	-	-	
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	270,85	121,47	48,37	101,01	-
IV	HUYỆN PHÚ NINH					
1	Chỉ tiêu đã được phê duyệt	68,44	62,84	5,60	-	
2	Kết quả thực hiện	33,89	32,76	0,58	0,55	
3	Diện tích đất đã được Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng sau 03 năm không thực hiện	-	-	-	-	

STT	Hạng mục	Tổng cộng	Đất trồng lúa nước	Đất trồng lúa nước còn lại	Đất rừng phòng hộ	Ghi chú (Ghi số, thời gian, thẩm quyền, trích yếu văn bản)
4	Diện tích đất còn lại chưa chuyển mục đích sử dụng đất (4 = 1 - 2 + 3)	34,55	30,08	5,02	(0,55)	-

Phụ lục II

**DANH MỤC CHUYÊN MỤC ĐÍCH BỔ SUNG NĂM 2022 CỦA CÁC HUYỆN:
ĐÔNG GIANG, HIỆP ĐỨC, THĂNG BÌNH, PHÚ NINH**

(Kèm theo Tờ trình số: 2010/TTr-UBND ngày 05/4/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam)

Đơn vị tính: ha

TT	Tên danh mục, dự án chuyên mục đích sử dụng đất	Địa điểm (thôn, xã)	Diện tích dự án	Sử dụng đất trồng lúa					Văn bản chấp thuận đầu tư
				Tổng cộng	Trong đó				
					Đất chuyên lúa nước	Đất lúa nước còn lại	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	
	TỔNG CỘNG (10 danh mục)		61,65	9,77	1,04	1,14	7,59	-	
*	Vốn ngân sách (10 danh mục)		61,65	9,77	1,04	1,14	7,59	-	
*	Vốn ngoài ngân sách (0 danh mục)		-	-	-	-	-	-	
I	HUYỆN ĐÔNG GIANG (02 danh mục)		37,04	0,46	-	0,46	-	-	
A	Danh mục, dự án trong chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất còn lại của kỳ điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 (01 danh mục)		16,64	0,06	-	0,06	-	-	
*	Vốn ngân sách (01 danh mục)		16,64	0,06	-	0,06	-	-	
1	Nâng cấp mở rộng đường ĐT.609, đoạn An Điem - A Sờ	Kà Dăng, Mã Cooih	16,64	0,06	-	0,06	-	-	Quyết định số 2973/QĐ-UBND ngày 18/10/2021 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Nâng cấp, mở rộng đường ĐT.609 đoạn An Điem - A Sờ
B	Danh mục, dự án ngoài chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất còn lại của kỳ điều chỉnh QHSD đến năm 2020 (01 danh mục)		20,40	0,40	-	0,40	-	-	
*	Vốn ngân sách (01 danh mục)		20,40	0,40	-	0,40	-	-	
1	Đường nội thị phía Đông kết hợp hạ cos nền tránh nguy cơ sạt lở đồi kiểng lâm vào khu dân cư thị trấn Prao	Thị trấn Prao	20,40	0,40	-	0,40	-	-	Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 12/01/2022 của HĐND tỉnh về Quyết định chủ trương đầu tư 02 dự án đầu tư công nhóm B sử dụng vốn ngân sách địa phương
II	HUYỆN HIỆP ĐỨC (03 danh mục)		3,25	1,20	0,90	0,30	-	-	
A	Danh mục, dự án ngoài chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất còn lại của kỳ điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 (03 danh mục)		3,25	1,20	0,90	0,30	-	-	
*	Vốn ngân sách (03 danh mục)		3,25	1,20	0,90	0,30	-	-	

TT	Tên danh mục, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	Địa điểm (thôn, xã)	Diện tích dự án	Sử dụng đất trồng lúa					Văn bản chấp thuận đầu tư
				Tổng cộng	Trong đó				
					Đất chuyên lúa nước	Đất lúa nước còn lại	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	
1	Mở rộng khu tưởng niệm giếng Quốc Hội thôn Nhứt Đông	Xã Bình Lâm	0,25	0,10	0,10				Nghị quyết số 73/NQ-HĐND ngày 08/12/2021 của HĐND tỉnh về việc kế hoạch đầu tư công năm 2022
2	Đường giao thông Bắc An Sơn đi An Cường xã Quế Thọ (giai đoạn 2)	Xã Quế Thọ	2,00	0,50	0,50				Nghị quyết số 39/NQ-HĐND ngày 22/12/2021 của HĐND huyện Hiệp Đức về phê duyệt chủ trương đầu tư 06 dự án nhóm C, sử dụng vốn ngân sách huyện kế hoạch đầu tư công năm 2022
3	Khu tái định cư vùng sạt lở núi Gai thôn An Phố	Xã Bình Lâm	1,00	0,60	0,30	0,30			Nghị quyết số 23/2021/NQ-HĐND ngày 27/02/2021 của HĐND tỉnh quy định cơ chế, chính sách hỗ trợ sắp xếp, ổn định dân cư miền núi tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2021-2025
III	HUYỆN THĂNG BÌNH (04 danh mục)		16,25	8,01	0,04	0,38	7,59	-	
A	Danh mục, dự án trong chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất còn lại của kỳ điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 (04 danh mục)		16,25	8,01	0,04	0,38	7,59	-	
*	Vốn ngân sách (04 danh mục)		16,25	8,01	0,04	0,38	7,59	-	
1	Cầu Bình Sa đi Bình Hải (cầu Tây Giang), huyện Thăng Bình	Bình Sa, Bình Hải	5,10	0,38		0,38			Quyết định số 3878/QĐ-UBND ngày 29/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt dự án đầu tư
2	Nhà văn hóa - khu thể thao thôn Hiền Phòng	Xã Bình Lãnh	0,10	0,04	0,04				Quyết định số 282/QĐ-UBND ngày 25/01/2022 của UBND tỉnh về việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư năm 2022
3	Khu thể thao xã Bình Nam	Xã Bình Nam	1,20	0,35			0,35		Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 01/10/2020 của HĐND huyện Quyết định chủ trương đầu tư 01 số dự án nhóm C thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2021

TT	Tên danh mục, dự án chuyển mục đích sử dụng đất	Địa điểm (thôn, xã)	Diện tích dự án	Sử dụng đất trồng lúa					Văn bản chấp thuận đầu tư
				Tổng cộng	Trong đó				
					Đất chuyên lúa nước	Đất lúa nước còn lại	Rừng phòng hộ	Rừng đặc dụng	
4	Dự án Khu nghĩa trang nhân dân Nam Thăng Bình (giai đoạn 1)	Bình Trung, Bình Sa	9,85	7,24			7,24		Quyết định số 104/QĐ-KTM ngày 03/6/2020 của Ban Quản lý các KKT&KCN tỉnh phê duyệt QH chi tiết XD (tỷ lệ 1/500); Thông báo số 547/TB-UBND ngày 02/12/2021 của UBND tỉnh kết luận của PCT UBND tỉnh Nguyễn Hồng Quang tại buổi kiểm tra thực tế tình hình BT, GPMB dự án Liên kết vùng miền Trung; Nghị quyết số 51/NQ-HĐND ngày 15/12/2021 của HĐND huyện điều chỉnh, bổ sung danh mục đầu tư công năm 2022 (Sử dụng 6,38 ha đất rừng phòng hộ trong chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại; 0,86 ha đất rừng phòng hộ ngoài chỉ tiêu CMD sử dụng đất còn lại của kỳ ĐC QHSD đến năm 2020)
IV	HUYỆN PHÚ NINH (01 danh mục)		5,11	0,10	0,10	-	-	-	
A	Danh mục, dự án trong chỉ tiêu chuyển mục đích sử dụng đất còn lại của kỳ điều chỉnh QHSD đất đến năm 2020 (01 danh mục)		5,11	0,10	0,10	-	-	-	
*	Vốn ngân sách (01 danh mục)		5,11	0,10	0,10	-	-	-	
1	Khu dân cư, Tái định cư cho các hộ di dời vùng sạt lở	xã Tam Lãnh	5,11	0,10	0,10				Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 26/01/2022 của UBND tỉnh về bổ sung kinh phí cho các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị khắc phục thiệt hại do ảnh hưởng các đợt thiên tai tại 2021